

Số: 78a/BC-UBND

Châu Thành, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
huyện Châu Thành Quý I năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022 của UBND huyện Châu Thành về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022 của UBND huyện Châu Thành về phân bổ ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Châu Thành Quý I năm 2023, cụ thể đính kèm biểu số 93; 94; 95/CK-NSNN.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- VP Huyện ủy;
- VP HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn ;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**Kí. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Khoa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	58.500	89.264	152,59%	81,29%
I	Thu cân đối NSNN	58.500	20.632	35,27%	135,71%
1	Thu nội địa	58.500	20.632	35,27%	135,71%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		68.632		72,55%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	370.074	91.277	24,66%	75,37%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	370.074	91.277	24,66%	75,37%
1	Chi đầu tư phát triển	26.045	22.776	87,45%	81,25%
2	Chi thường xuyên	336.010	68.501	20,39%	78,93%
3	Dự phòng ngân sách	8.019	-		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	58.500	20.632	35,27%	135,71%
I	Thu nội địa	58.500	20.632	35,27%	135,71%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.000	5.523	29,07%	131,59%
	Thuế tài nguyên - 1550	50			
	Thuế TTĐB - 1750	50			
	TNDN - 1050	2.000	373	18,65%	80,39%
	GTGT - 1700	16.900	5.150		
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	2.717	24,70%	69,51%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	13.500	4.099	30,36%	106,50%
7	Thu phí, lệ phí	3.000	1.117	37,23%	114,21%
8	Các khoản thu về nhà, đất	10.000	6.202	62,02%	433,71%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	2.000	974	48,70%	115,95%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	53.200	17.916	33,68%	130,63%
1	Từ các khoản thu phân chia	50.290	16.395	32,60%	129,67%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	2.910	1.521	52,27%	142,02%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN		370.074	91.277	24,66%	75,37%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	370.074	91.277	24,66%	75,37%
I	Chi đầu tư phát triển	26.045	22.776	87,45%	81,25%
1	Chi đầu tư cho các dự án	26.045	22.776	87,45%	81,25%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	336.010	68.501	20,39%	78,93%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	220.513	42.182	19,13%	103,97%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.705	20	1,17%	
4	Chi văn hóa thông tin	1.252	244	19,49%	110,91%
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.081	151	13,97%	91,52%
6	Chi thể dục thể thao	841	41	4,88%	136,67%
7	Chi bảo vệ môi trường	2.841		0,00%	
8	Chi hoạt động kinh tế	42.596	2.176	5,11%	86,31%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	33.826	14.373	42,49%	190,45%
10	Chi bảo đảm xã hội	26.968	6.950	25,77%	39,60%
11	Chi Quốc phòng địa phương	2.046	687	33,58%	8,24%
12	Chi an ninh	341	30	8,80%	24,59%
13	Chi khác	2.000	1.647	82,35%	108,07%
III	Dự phòng ngân sách	8.019		0,00%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		